

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI
Bản án số: 46/2018/HSST
Ngày: 31/10/2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tường Thị Tuyết.

Ông Tần A Liều.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quý Sửu - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31/10/2018 tại Nhà văn hoá đa năng xã Bản Q, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2018/TLST - HS ngày 27/9/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn T (Tên gọi khác không) - Sinh năm 1975 (không xác định được ngày, tháng sinh) Sinh tại xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam;
Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Trần Thanh K - Sinh năm 1937

Trú tại: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Con bà: Nguyễn Thị N - Đã chết

Bị cáo chưa có vợ con

Tiền án: Không

Tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 12/8/2016, Trần Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 01 năm theo Quyết 78 ngày 12/8/2016, đến ngày 05/7/2017 T chấp hành xong trở về địa phương.

Nhân thân: Bị cáo có 01 án tích năm 2006. Tòa án nhân dân huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tính đến ngày bị cáo phạm tội 11/8/2018 đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2018 - Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B - Có mặt tại phiên toà

2. Họ và tên: Lê Văn N (Tên gọi khác không) - Sinh năm 1971 (không xác định được ngày, tháng sinh) Sinh tại xã C, huyện Bát X, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Lê Văn S - Đã chết

Con bà: Hoàng Thị N - Sinh năm 1933

Trú tại: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo chưa có vợ con

Tiền án: Không

Tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 12/8/2016, Lê Văn N bị Tòa án nhân dân huyện Bát Xát quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 01 năm theo Quyết 80 ngày 12/8/2016, đến ngày 05/7/2017 N chấp hành xong trở về địa phương.

Nhân thân: Bị cáo có 01 án tích năm 1997. Tòa án nhân tỉnh Lào Cai xử phạt 10 năm tù về tội “Tổ chức, sử dụng trái phép các chất ma túy và tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, tính đến ngày bị cáo phạm tội 11/8/2018 đã được xóa án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2018 - Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B - Có mặt tại phiên toà

Người bào chữa cho các bị cáo: Bà Phạm Thị Thương - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 30 ngày 11/8/2018, tổ công tác của Công an huyện B phối hợp với Công an xã B đang làm nhiệm vụ tại thôn 2, xã B, huyện B phát hiện bắt quả tang đối với Trần Văn T và Lê Văn N về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trong lòng bàn tay trái của Lê Văn N 02 (hai) gói giấy màu trắng có dòng kẻ, bên trong chứa chất bột khô, màu trắng, vón cục (Trần Văn T và Lê Văn N khai nhận là hêrôin, vừa mua về để cùng chung nhau sử dụng) và 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu sơn đỏ đen biển kiểm soát 24B1 - 912-89

Tại bản kết luận giám định số 162/GĐMT ngày 15/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai xác định thu giữ được từ Trần Văn T và Lê Văn N có khối lượng là 0,23 gam là chất ma túy Hê rô in.

Quá trình điều tra Trần Văn T và Lê Văn N khai nhận:

Khoảng 09 giờ 00 ngày 11/8/2019, Trần Văn T đến nhà của Lê Văn N là người cùng thôn rủ N cùng góp tiền đi mua ma túy để cùng nhau sử dụng. T và N mỗi người góp số tiền 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*), sau đó N và T đi bộ theo đường tỉnh lộ 156 ra hướng xã Bản V, đi được khoảng 200m thì T nhìn thấy Mai Văn C - sinh năm 1989, trú tại thôn M, xã C, huyện B, là bạn đang điều khiển xe mô tô, nên T hỏi mượn xe của Mai Văn C để đi ra xã B có việc. Mai Văn C đồng ý và giao xe cho Trần Văn T, Trần Văn T điều khiển xe chở Lê Văn N đi về phía xã B. Đến khoảng 10 giờ 15 phút cùng ngày T và N đi đến đường T5 thuộc thôn 2, xã B, huyện B thì nhìn thấy có một người phụ nữ đi bộ ngược chiều, N nhận ra người phụ nữ này đã bán ma túy cho N một lần vào ngày 07/8/2018. Nên N đã bảo T dừng xe, rồi N xuống xe đi đến chỗ người phụ nữ, N hỏi người phụ nữ đó “Có hàng (Hêrôin) bán không? người phụ nữ này trả lời “Có”, N bảo bán cho 200.000 đồng và lấy tiền đưa cho người phụ nữ đồng thời nhận từ người phụ nữ này 02 gói hêrôin. Sau khi cầm 02 gói Hê rô in trên tay, N đi bộ quay lại chỗ T đang đứng đợi, còn người phụ nữ đó đi đâu N và T không biết. Khi N đi gần đến chỗ T thì bị tổ công tác phát hiện bắt quả tang cùng toàn bộ vật chứng.

Cáo trạng số 44/CT - VKS ngày 26/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Trần Văn T và Lê Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Trần Văn T, Lê Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

+ Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 0,15 gam Hê rôin được tái niêm phong trong bì thư.

- Ý kiến của người bào chữa: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá chứng cứ cho rằng: Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện B truy tố hai bị cáo Trần Văn T, Lê Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 năm 03 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 01 năm tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Văn T, Lê Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận, bị cáo Trần Văn T, Lê Văn N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm

hình sự cất dấu 0,23 gam Hê rô in với mục đích để sử dụng đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo Trần Văn T và Lê Văn N đã thực hiện là rất nghiêm trọng, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Gây mất trật tự, trị an ở địa phương, làm lan tràn tệ nạn nghiện ma túy, ảnh hưởng đến sức khỏe, suy thoái giống nòi, là mầm mống dẫn đến các tội phạm nguy hiểm khác. Để giữ nghiêm kỷ cương pháp luật, góp phần đẩy lùi và loại bỏ ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Cần phải đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật và quyết định mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện và cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và đấu tranh phòng chống tội phạm. Xong cũng cần xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, vì trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo.

Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, trong đó bị cáo Trần Văn T là người khởi xướng, rủ rê đồng bọn cùng thực hiện tội phạm, do đó Trần Văn T phải là người giữ vai trò chính trong vụ án. Đối với bị cáo Lê Văn N là người sau khi được T rủ góp tiền để cùng đi mua hêrôin về sử dụng chung, N đã nhất trí tham gia và góp số tiền 100.000 đồng, N cũng là người trực tiếp mua Heroine (hêrôin), do vậy bị cáo Lê Văn N phải chịu trách nhiệm hình sự sau Trần Văn T trong vụ án.

Đối với người phụ nữ hai bị cáo T, N khai đã bán ma túy cho bị cáo qua xác minh không xác định được tên, tuổi lai lịch cụ thể, nên không có căn cứ xử lý.

[2] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo nghiện ma túy, tàng trữ ma túy để sử dụng, không có lợi nhuận, không có việc làm và thu nhập ổn định, nên không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 điều 249 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, N vẫn đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về vật chứng gồm: 0,23 gam Hê rô in gửi giám định, đã trích mẫu 0,08 gam không hoàn lại, nên không đề cập xử lý. Còn 0,15 gam được tái niêm phong, là vật cấm tàng trữ, lưu hành. Cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu đỏ đen, biển kiểm soát 24B1 - 912.89 đã tạm giữ của Trần Văn T. Cơ quan Cảnh sát điều tra xác minh làm rõ, chiếc xe mô tô trên là của Mai Văn C, bản thân C không biết

Trần Văn T mượn để đi mua ma túy. Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho Mai Văn C là phù hợp.

[4] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và bị cáo không có khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về án phí: Các bị cáo T, N mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T và Lê Văn N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo 11/8/2018.

Xử phạt bị cáo Lê Văn N 01(một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo 11/8/2018.

3. Xử lý vật chứng :

- Tịch thu tiêu huỷ: 0,15 gam Hê rô in được tái niêm phong trong bì thư, mặt trước có ghi Công an tỉnh Lào Cai, Phòng kỹ thuật hình sự và có dòng chữ “Vật chứng còn lại sau trích mẫu giám định thu trong vụ án Trần Văn T và Lê Văn N có hành vi phạm tội về ma túy. Phát hiện (thu giữ) ngày 11 tháng 8 năm 2018 tại thôn 2, xã Bản V, huyện B, tỉnh Lào Cai”; mặt sau có 04 dấu tròn của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Trần Văn T và Lê Văn N mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*)

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các bị cáo 02;
- Người bào chữa;
- CCTHADS huyện;
- QCSĐT Công an huyện 02;
- CQTHAHS Công an huyện;
- Phòng Hồ sơ NV CA tỉnh LC;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (6);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Ngô Đức Quang

